TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU ĐỨC** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05-10-2022
V/v tranh chấp: "*Yêu cầu ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu L.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hoa.
2. Bà Trần Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 293/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022, về tranh chấp: "*Yêu cầu ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2022/QĐXX-ST ngày 31/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2022/QĐST-HPT ngày 19/9/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị L, sinh năm 1968.

Địa chỉ:Tổ 02, ấp 2, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Tổ 25, ấp X, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Bà L có đơn xin vắng mặt, ông L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, các văn bản làm việc tại Toà án, nguyên đơn bà Trương Thị L trình bày:

Bà Trương Thị L và ông Nguyễn Hữu L qua thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 09/01/1996 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Thời gian đầu bà L và ông L sống hạnh phúc và lo làm ăn nhưng sau đó đến năm 1998 thì vợ chồng mâu thuẫn nên hai vợ chồng đã sống ly thân. Sau đó vì con cái nên bà L và ông L chung sống lại với nhau vào năm 2004 nhưng đến năm 2020 thì lại bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong cuộc sống, thường

xuyên cãi vả nhau. Ông L nghe lời gia đình bên nội, không yêu thương và quan tâm vợ con. Bà L và ông L sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Bà L về nhà mẹ ruột tại huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai sinh sống. Tôi nhận thấy mâu thuẫn giữa chúng tôi ngày càng trầm trọng, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng không có kết quả nên tôi yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hữu L.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị L yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hữu L

Về con chung: Bà Trương Thị L và ông Nguyễn Hữu L có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 10/12/1997 và cháu Nguyễn Vũ Đan T1, sinh ngày 05/10/2004.

Hiện cháu T đã trưởng thành. Bà Trương Thị L có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Vũ Đan T1.

Bà Trương Thị L không yêu cầu ông Nguyễn Hữu L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu L không đến tòa án để làm việc và tham gia phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về tố tụng Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án bà L và ông L chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn. Sau đó phát sinh mâu thuẫn. Bà L yêu cầu được ly hôn với ông L nên Tòa án cần xử chấp nhận yêu cầu của bà L. Về con chung bà Trương Thị L và ông Nguyễn Hữu L có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 10/12/1997 và cháu Nguyễn Vũ Đan T1 sinh ngày 05/10/2004. Cháu T, cháu T1 đã trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà L, ông L có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bà Trương Thị L và ông Nguyễn Hữu L qua thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 09/01/1996 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nay bà L yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; Nơi cư trú của ông Nguyễn Hữu L là xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Hữu L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông L là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà L là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trương Thị L và ông Nguyễn Hữu L qua thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 09/01/1996 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Thời gian đầu bà L và ông L sống hạnh phúc và lo làm ăn. Đến năm 1998 thì vợ chồng mâu thuẫn nên hai vợ chồng đã sống ly thân. Sau đó vì con cái nên bà L và ông L chung sống lại với nhau vào năm 2004 nhưng đến năm 2020 thì lại phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên cãi vả nhau. Ông L không yêu thương và không quan tâm vợ con. Bà L và ông L sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Bà L về nhà mẹ ruột tại huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai sinh sống.

Qua xác minh và lời khai của người làm chứng thì bà L và ông L có đăng ký kết hôn. Ông L và bà L có cãi vả. Hiện nay bà L và ông L không còn sống chung. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của bà L, Tòa án đã triệu tập ông L để làm việc và hoà giải về quan hệ hôn nhân để bà L, ông L tiếp tục sống với nhau nhưng ông L không đến tòa án để làm việc. Như vậy giữa bà L và ông L có mâu thuẫn, bà L và ông L sống ly thân là có thật. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông L ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Trương Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Hữu L.

[3] *Về con chung*: Bà Trương Thị L và ông Nguyễn Hữu L có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 10/12/1997 và cháu Nguyễn Vũ Đan T1 sinh ngày 05/10/2004. Cháu T, cháu T1 đã trưởng thành, các cháu sống với ai là theo nguyện vọng của các cháu.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà L, ông L có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[5] *Về án phí*: Bà L phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trương Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Hữu L.

Về quan hệ con chung: Bà Trương Thị L và ông Nguyễn Hữu L có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 10/12/1997 và cháu Nguyễn Vũ Đan T1 sinh ngày 05/10/2004. Cháu T, cháu T1 đã trưởng thành, các cháu sống với ai là theo nguyện vọng của các cháu.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà L, ông L có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Về án phí: Bà Trương Thị L nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà bà L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai số: 0008040 ngày 17/6/2022, bà L đã nộp xong án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/10/2022), đương sự có quyền kháng cáo; đối với bà L, ông L vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR - VT;
- VKSND H.Châu Đức;
- Cơ quan THA dân sự H.Châu Đức;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Loan